

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1726/2025/DS-PT

Ngày 31-12-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 và 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1450/2025/DS-PT ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7547/2025/QĐ-PT ngày 12/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1979; địa chỉ: số F, tổ B, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Xuân L, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1979; địa chỉ: số B, tổ E, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Hải A, sinh năm 2001; địa chỉ: xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã X, tỉnh Thanh Hóa).

2. Bà Trương Thị Mộng M, sinh năm 1986; địa chỉ: số C, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981; địa chỉ: số F, tổ B, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Xuân V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Xuân H là ông Lưu Xuân L trình bày:

Ngày 30/11/2021, ông Lê Xuân H và ông Nguyễn Xuân V lập giấy vay tiền với nội dung ông H cho ông V vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày ký và nhận tiền.

Ngày 01/12/2021, ông H và ông V lập giấy vay tiền với nội dung ông H cho ông V vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký và nhận tiền.

Ngày 10/12/2021, ông H và ông V lập giấy vay tiền với nội dung ông H cho ông V vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký và nhận tiền.

Đến ngày 24/12/2021, ông H và ông V tiếp tục lập giấy vay tiền với nội dung ông H cho ông V vay số tiền 1.150.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày ký và nhận tiền.

Thực hiện thỏa thuận trên, vào các ngày lập giấy vay tiền, ông H đã sử dụng số tài khoản 19034790875012 (Ngân hàng T) của ông Lê Hải A (là con ruột của ông H) chuyển cho ông V qua số tài khoản: 2828639397979 (Ngân hàng Q) với tổng số tiền 3.150.000.000 đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Đến hạn thanh toán, ông V không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông H. Ông H đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V không thực hiện.

Ngày 24/5/2022, ông V viết bản cam kết với nội dung ông V nợ ông H số tiền 3.150.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/6/2022 sẽ trả 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), số tiền còn lại xin trả góp mỗi tháng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến khi hết, xin tháng Tết âm lịch không trả.

Ngày 30/10/2023, ông V tiếp tục viết bản cam kết với nội dung ông V còn nợ ông H số tiền 3.150.000.000 đồng, xin chịu trách nhiệm trả, hẹn tháng 3 âm lịch năm 2024 trả 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và mỗi tháng trả 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến tháng 3 âm lịch, số tiền còn lại ông V và ông H sẽ ngồi lại bàn bạc sau.

Sau khi viết bản cam kết, ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho ông H. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V phải

trả cho ông H toàn bộ số tiền nợ gốc 3.150.000.000 đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Xuân V trình bày:

Ông Văn thống N trình bày của ông H về việc hai bên có lập các giấy vay tiền vào các ngày 30/11/2021, 01/12/2021, 10/12/2021 và 24/12/2021; chữ ký, chữ viết trong các giấy vay tiền là do ông Văn K và viết. Ông V thống nhất về số tiền vay, thời hạn trả tiền vay thể hiện trong các giấy vay tiền và việc ông V đã nhận tổng số tiền 3.150.000.000 đồng (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) do ông H chuyển khoản. Tuy nhiên, ông V đã trả cho ông H nhiều lần qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của ông Lê Hải A và số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) qua tài khoản của bà Trương Thị Mộng M (là em vợ của ông H). Ông Văn C còn nợ ông H số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông L1 yêu cầu bị đơn ông V trả số nợ 1.800.000.000 đồng; bị đơn ông V thống nhất số tiền còn nợ và đồng ý trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lê Xuân H và bị đơn ông Nguyễn Xuân V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cụ thể như sau:

Bị đơn Nguyễn Xuân V có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Xuân H số tiền nợ vay 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Xuân H phải chịu số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng), được khấu trừ vào 47.500.000 đồng (bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, còn trả lại cho ông Lê Xuân H 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000521 ngày

24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (sau sáp nhập là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Ông Nguyễn Xuân V phải chịu số tiền 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 21/8/2025 bị đơn ông V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì khác, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M, bà H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông L1 yêu cầu bị đơn ông V trả số nợ 1.800.000.000 đồng; bị đơn ông V thống nhất trả số tiền trên cho nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông H, ông V, ông V có trách nhiệm thanh toán cho ông H 1.800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông V trình bày thống nhất số tiền nợ nguyên đơn là 1.800.000.000 đồng nhưng xin trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ và xin được giảm xuống còn 1.500.000.000 đồng. Nguyên đơn ông H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lưu K1 đồng ý trình bày của bị đơn về việc giảm nợ và trả dần 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì khác nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.
Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân V.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Xuân V phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0024477 ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- TAND khu vực 16- TPHCM;
- Phòng THADS khu vực 16 - TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự (12).(80).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Duyên Hằng

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA

Đinh Thị Mộng Tuyết Nguyễn Trung Dũng

Nguyễn Thị Duyên Hằng